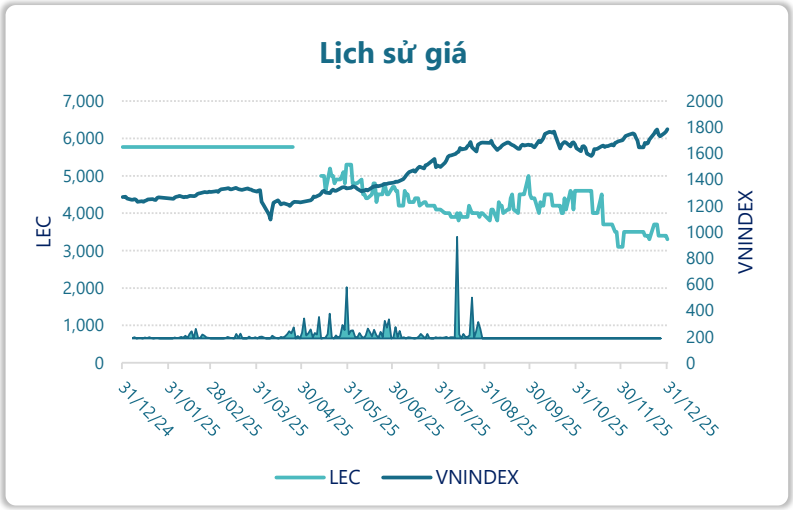
FireAnt

CTCP Bất động sản điện lực Miền Trung (UPCOM: LEC)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**3,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	
SL cổ phiếu LH	26,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	90
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	86
P/E	-4.3
EPS	-761

DT thuần

Q4/25

1.62

tỷ VNĐ

QoQ: ▼23.6| -93.6%

YoY: ▼70.5| -97.8%

LN sau thuế

Q4/25

-10.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼7.67| -283%

YoY: ▼3.29| -46.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

-3.1%

+/- YoY: ▲ 9.7%

DT thuần

2025

96.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼30.2| -23.7%

LN sau thuế

2025

-28.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 15.9| 35.6%

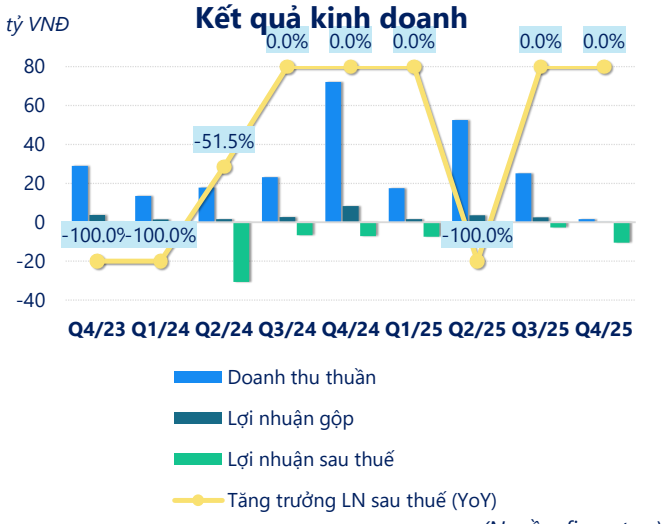
ROE

2025

-6.5%

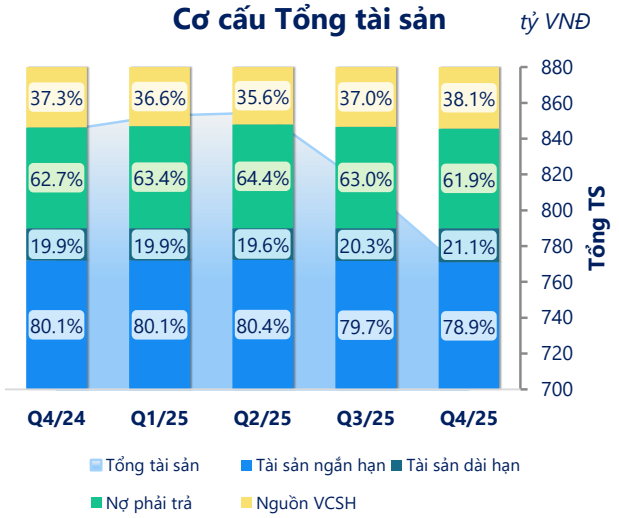
+/- YoY: ▲ 3.5%

Kết quả kinh doanh



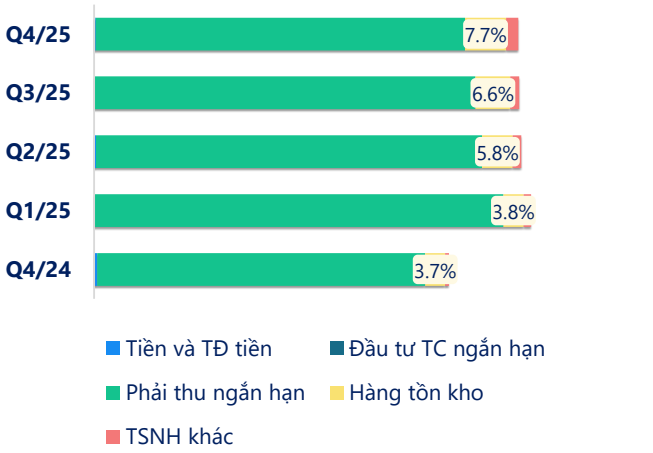
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



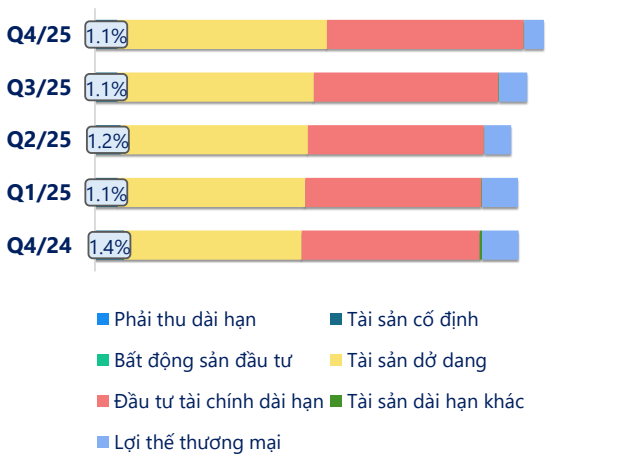
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



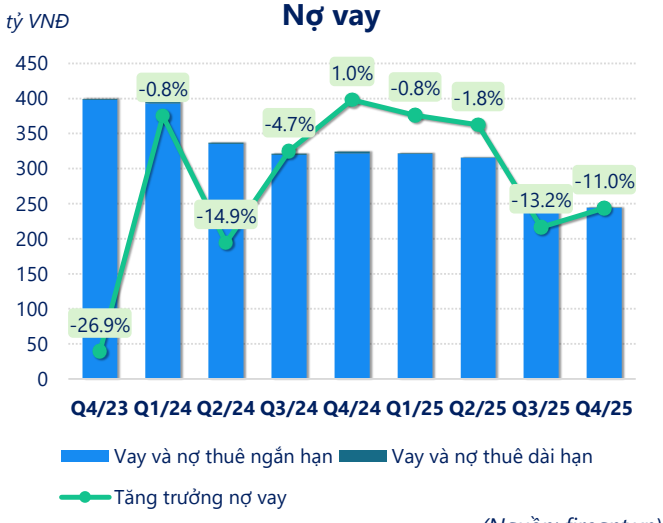
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



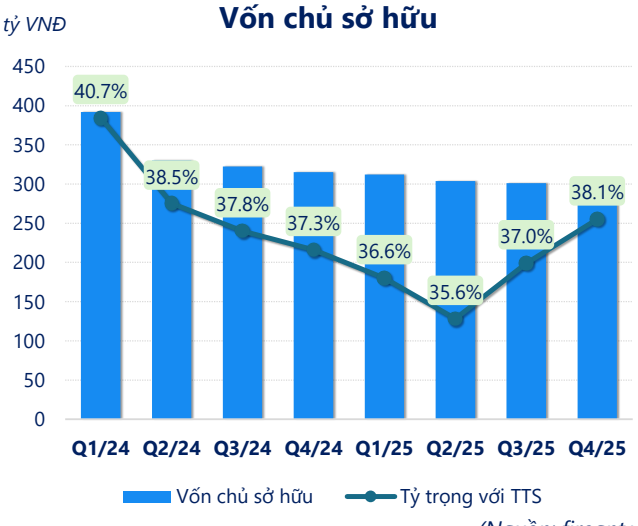
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



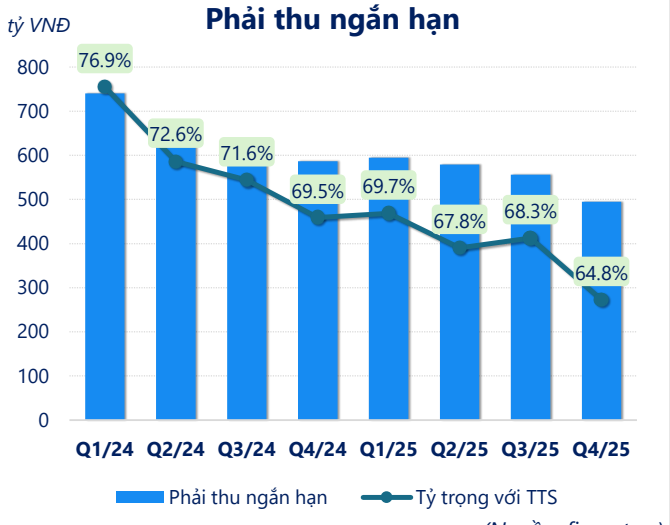
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



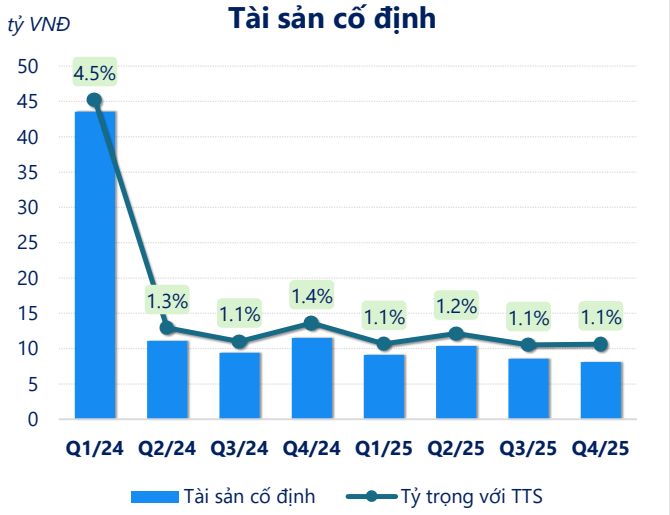
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



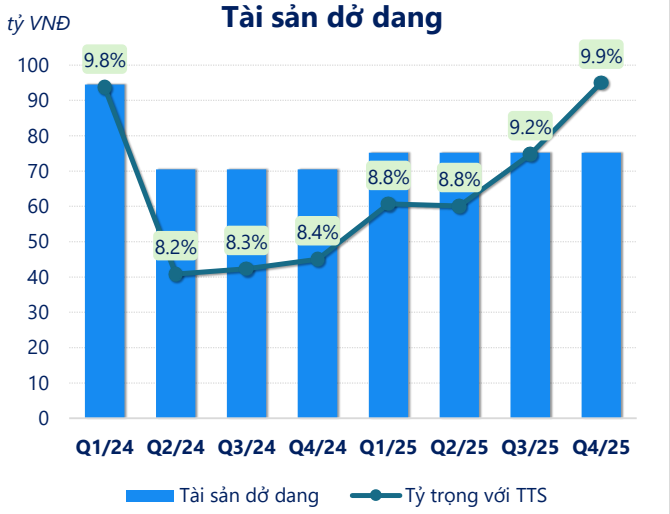
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



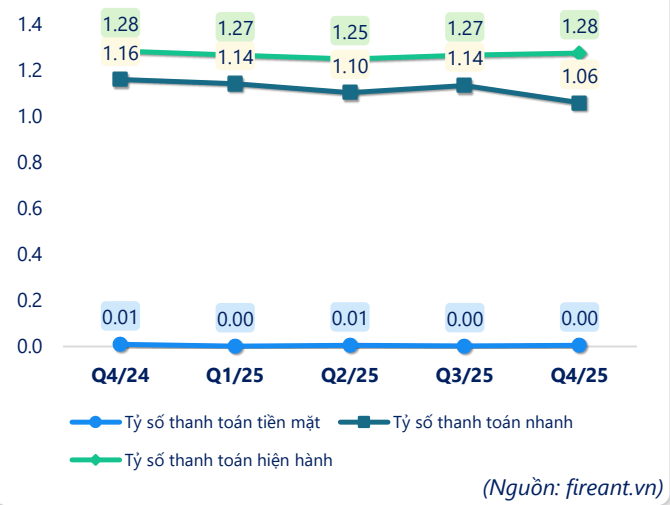
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



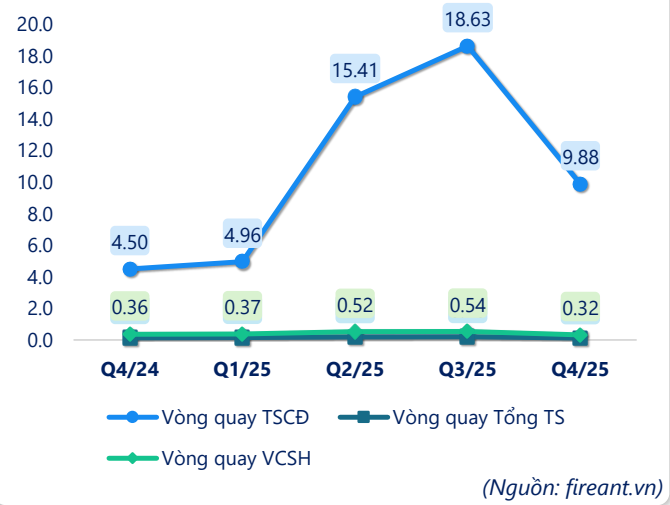
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**844**	**853**	**855**	**814**	**764**
Tài sản ngắn hạn	**676**	**683**	**687**	**648**	**602**
Tiền và tương đương tiền	5.00	0.86	2.87	1.09	2.29
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	586	595	579	556	495
Hàng tồn kho	65.1	67.3	80.8	67.0	102
Tài sản ngắn hạn khác	19.5	20.6	24.6	24.4	3.40
Tài sản dài hạn	**168**	**170**	**167**	**165**	**161**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	11.5	9.12	10.4	8.57	8.11
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	70.5	75.2	75.2	75.2	75.2
Đầu tư tài chính dài hạn	70.6	70.6	70.6	70.6	70.6
Tài sản dài hạn khác	1.02	0.21	0.20	0.20	0.20
Lợi thế thương mại	14.4	14.4	10.8	10.8	7.11
Nợ phải trả	**529**	**541**	**551**	**513**	**473**
Nợ ngắn hạn	**526**	**539**	**550**	**512**	**472**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	322	321	315	274	244
Phải trả người bán ngắn hạn	151	140	142	142	149
Nợ dài hạn	2.76	1.23	0.72	0.64	0.38
Vay và nợ thuê dài hạn	2.63	1.11	0.60	0.52	0.26
Nguồn vốn chủ sở hữu	**315**	**312**	**304**	**301**	**291**
Vốn chủ sở hữu	**315**	**312**	**304**	**301**	**291**
Vốn điều lệ	261	261	261	261	261
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)